

**UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ NỘI VỤ**

Số: **673**/SNV-XDCQ&TCBC

V/v báo cáo tình hình sắp xếp tổ chức
bộ máy và tinh giản biên chế giai đoạn
2016-2019 phục vụ Đoàn Giám sát
HĐND tỉnh

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 27 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện kế hoạch giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1779/VPUBND-NC ngày 22/5/2019 về việc tham mưu báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2019;

Để có cơ sở tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Đoàn giám sát theo quy định, Sở Nội vụ đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế giai đoạn 2016-2019 của cơ quan, đơn vị mình theo đề cương và các biểu mẫu đính kèm tại Công văn này.

Báo cáo gửi về Sở Nội vụ trước ngày 10/6/2019. Gửi file qua mail theo địa chỉ: Trangpt.snv@quangbinh.gov.vn


(Đề cương và các biểu mẫu báo cáo kèm theo được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ, địa chỉ: <http://snv.quangbinh.gov.vn>, tại mục Tổ chức biên chế và Tổ chức Phi Chính phủ)

Đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm báo cáo đúng thời hạn./.

Nơi nhận:

- Phòng NV các huyện, TP, TX;
- Lưu: VT, XDCQ&TCBC;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Ngọc Thanh

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy,
tinh giản biên chế giai đoạn 2016 - 2019

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Công tác ban hành văn bản triển khai thực hiện:

+ Công tác tham mưu cho cấp ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế thuộc lĩnh vực sở, ngành phụ trách (số lượng, nội dung văn bản đã tham mưu ban hành).

+ Việc ban hành các văn bản để hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của đơn vị (số lượng, nội dung văn bản đã ban hành).

+ Đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của các văn bản đã ban hành với các văn bản QPPL hiện hành; đánh giá về sự phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị.

- Công tác phổ biến, quán triệt các văn bản của Trung ương, của địa phương liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế: Số lượng và nội dung văn bản được phổ biến; đối tượng, hình thức phổ biến; đánh giá hiệu quả của công tác phổ biến, quán triệt các văn bản.

- Công tác hướng dẫn nghiệp vụ về thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đối với các đơn vị trực thuộc (số lượng, nội dung).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, TINH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Về sắp xếp tổ chức bộ máy

- Tình hình cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng cấp phó của sở và các đơn vị trực thuộc: Số lượng các phòng, Ban, chi cục; Ban quản lý dự án, đơn vị sự nghiệp công lập;...

- Đánh giá thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế đối với hiệu quả quản lý nhà nước của sở, ngành (tính phù hợp của tổ chức bộ máy, biên chế với nhiệm vụ, quyền hạn; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thông suốt, kịp thời, nhanh nhạy; sự trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ, quyền hạn;...)

- Việc rà soát chức năng nhiệm vụ, thống kê, đánh giá những biến động tăng/giảm (do chia, tách, sáp nhập, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, thành lập mới tổ chức, đơn vị) và biến động về quy mô dẫn đến phải tăng/giảm tổ chức bộ máy. Làm rõ cơ sở pháp lý của việc tăng, giảm (theo các mốc thời gian: năm 2016, 2017, 2018 và 5 tháng đầu năm 2019); làm rõ kết quả của việc rà soát, sắp xếp lại, số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã giảm so với trước khi sắp xếp; những thay đổi về công tác tổ chức, nhân sự; hiệu quả hoạt động của những đơn vị, phòng, ban được sắp xếp lại.

- Việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (nếu có).
- Việc thực hiện Đề án 981/ĐA-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh về sắp xếp, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017 - 2020.
- Việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng viên chức và người làm việc trong bộ máy hành chính nhà nước (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập) ở sở và các đơn vị trực thuộc (có số liệu cụ thể).

(Có Phụ lục 1C kèm theo)

- Việc đổi mới phương thức làm việc trong cơ quan, đơn vị, các mối quan hệ phối hợp trong công tác giữa các tổ chức đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của ngành.

- Những vấn đề còn chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

- Đánh giá về những thay đổi trước và sau khi thực hiện chủ trương, quy định về thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị.

*** Sở Nội vụ báo cáo thêm việc tham mưu cho UBND tỉnh:**

- Thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành tổ chức bộ máy.
- Phân cấp, ủy quyền cho đơn vị cấp dưới; phân cấp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập.
- Sắp xếp, cải cách bộ máy của UBND các cấp.
- Triển khai thực hiện Đề án 981/ĐA-UBND.

2. Kết quả thực hiện tinh giản biên chế

2.1. Việc thực hiện các quy định về tinh giản biên chế

- Việc xây dựng, triển khai đề án và kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn và từng năm.

- Việc thẩm định của cơ quan có thẩm quyền.

- Chỉ tiêu tinh giản biên chế được giao.

2.2. Kết quả tinh giản biên chế

- Tổng số biên chế đã thực hiện tinh giản (có số liệu cụ thể), trong đó:

+ Công chức;

+ Biên chế sự nghiệp (trong đó có bao nhiêu biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN chuyển sang hưởng lương tự trang trải của đơn vị);

+ Hợp đồng 68.

- Phân loại các trường hợp, chính sách tinh giản biên chế:

+ Phân theo các trường hợp tinh giản biên chế (có số liệu cụ thể), trong đó:

• *Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy (điểm a, khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP);*

- *Dôi dư do cơ cấu lại theo vị trí việc làm (điểm b, khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP);*
- *Chưa đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ (điểm c, khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP);*
- *Hạn chế năng lực (điểm d, khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP);*
- *Do đánh giá xếp loại (điểm đ, e, khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP);*
- *Do ốm đau (điểm g, khoản 1, Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP)*
- + *Phân theo các chính sách tinh giản biên chế (có số liệu cụ thể), trong đó:*
 - *Về hưu trước tuổi (Điều 8, Nghị định 108/2014/NĐ-CP);*
 - *Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước (Điều 9, Nghị định 108/2014/NĐ-CP);*
 - *Thôi việc (Điều 10, Nghị định 108/2014/NĐ-CP);*
 - *Chính sách đối với những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ khác (Điều 11, Nghị định 108/2014/NĐ-CP).*

(Có Phụ lục 2C và Phụ lục 3C kèm theo)

- Việc quản lý, sử dụng số biên chế đã thực hiện tinh giản.
- Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ tinh giản.

*** Sở Nội vụ báo cáo thêm:**

- Việc thẩm định kế hoạch tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Việc tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt đề án tinh giản biên chế;
- Việc thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Việc tham mưu cho UBND tỉnh lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế gửi Bộ Nội vụ thẩm tra theo quy định.

3. Công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật liên quan sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế

- Số lượng các cuộc kiểm tra, kết quả kiểm tra và xử lý vi phạm về tổ chức bộ máy, biên chế đối với các đơn vị trực thuộc; việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra.
- Đánh giá về tinh thần, trách nhiệm, sự phối kết hợp của các đơn vị trực thuộc trong thực hiện chủ trương, chính sách quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.
- Tình hình khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến bộ máy nhà nước và tinh giản biên chế ở đơn vị. Việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo.

*** Sở Nội vụ báo cáo thêm:**

- Số lượng và kết quả các cuộc thanh tra của sở (thường xuyên, chuyên đề, đột xuất) về tổ chức bộ máy, biên chế.

- Việc tham mưu UBND tỉnh tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra về sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế: số lượng; kết quả.

- Việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của các cơ quan đơn vị.

4. Nhận xét, đánh giá chung về kết quả đạt được

4.1. Nhận xét, đánh giá khái quát về kết quả đạt được, mức độ đạt được trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

4.2. Nguyên nhân đạt được

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC

1. Những tồn tại, hạn chế

- Về chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

- Trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

2. Những khó khăn, vướng mắc

3. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Những kiến nghị, đề xuất về hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

2. Những kiến nghị, đề xuất liên quan đến công tác triển khai thực hiện, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tinh thần trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp, ý thức chấp hành pháp luật.

3. Những kiến nghị, đề xuất về các vấn đề khác có liên quan (nếu có).

(Số liệu báo cáo: Từ ngày 01/01/2016 đến 31/5/2019)

Lưu ý: Trên đây là gợi ý đề cương báo cáo chung, tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tế của từng sở để báo cáo phù hợp, có thể bổ sung thêm các nội dung khác nếu xét thấy cần thiết.

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Phụ lục 1A
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP
KẾT QUẢ SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐẾN 31/5/2019**

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc có đến 31/12/2015	Số phòng, ban, đơn vị tăng, giảm giai đoạn 2016 - 5/2019								Nguyên nhân tăng, giảm					Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc có đến 31/5/2019	Ghi chú	
			2016		2017		2018		2019		Giải thể	Thành lập mới	Sáp nhập, hợp nhất	Chia tách	Chuyển đổi			Khác
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm								
I	Cấp tỉnh																	
<i>1</i>	<i>Các sở, ban, ngành, tương đương</i>																	
1.1	Sở Tài chính																	
1.2	Sở Kế hoạch và Đầu tư																	
1.3	Sở Giao thông - Vận tải																	
1.4	...																	
...	...																	
2	Các đơn vị sự nghiệp																	
2.1.	Trường Đại học Quảng Bình																	
2.2	Trường CĐ nghề Quảng Bình																	
2.3	Đài PT - TH tỉnh																	
2.4	...																	
...	...																	
II	UBND cấp huyện																	
1	UBND huyện Minh Hóa																	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc có đến 31/12/2015	Số phòng, ban, đơn vị tăng, giảm giai đoạn 2016 - 5/2019								Nguyên nhân tăng, giảm					Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc có đến 31/5/2019	Ghi chú	
			2016		2017		2018		2019		Giải thể	Thành lập mới	Sáp nhập, hợp nhất	Chia tách	Chuyển đổi			Khác
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm								
2	UBND huyện Tuyên Hóa																	
3	UBND thị xã Ba Đồn																	
4	...																	
...	...																	

....., ngày tháng năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Phụ lục 1C
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC SỞ

STT	Phòng, ban đơn vị	Thời gian	Biên chế được giao					Biên chế có đến thời điểm 31/12 hằng năm và 31/5/2019						Đội ngũ lãnh đạo, quản lý				Ghi chú biến động
			Tổng số	Công chức	Sự nghiệp		HĐ 68	Tổng số	Công chức	Sự nghiệp		Hợp đồng lao động		Người đứng đầu cấp sở	Số lượng cấp phó sở	Số lượng cấp trưởng phòng và tương đương	Số lượng cấp phó phòng và tương đương	
					Hưởng lương từ NSNN	Tự trang trải				Hưởng lương từ NSNN	Tự trang trải	HĐ 68	HĐ khác					
I	Tổng hợp chung của sở	2016																
		2017																
		2018																
		2019																
II	Cụ thể từng cơ quan, đơn vị																	
1	Phòng (bộ phận) ...	2016																
		2017																
		2018																
		2019																
2	Phòng (bộ phận) ...	2016																
		2017																
		2018																
		2019																
3	Trung tâm ...	2016																
		2017																
		2018																
		2019																
4	...																	
5	...																	
...	...																	

....., ngày tháng năm 2019
 THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 108/2014/NĐ-CP,
NGHỊ ĐỊNH 113/2018/NĐ-CP VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC

STT	Thời gian	Tình giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP													Về hưu đúng tuổi theo quy định của pháp luật	Thôi việc theo quy định của pháp luật	Chuyển sang hưởng lương tự trang trải	Cắt giảm biên chế được giao nhưng chưa tuyển	
		Tổng số	Các trường hợp tình giản biên chế							Các chính sách tình giản biên chế									
			Tổng số	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy	Đôi dư do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ	Hạn chế năng lực	Do đánh giá xếp loại	Do ốm đau	Tổng số	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước	Thôi việc ngay	Chính sách đối với những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ khác					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
1	2016																		
	Cơ quan hành chính																		
	Đơn vị sự nghiệp																		
2	2017																		
	Cơ quan hành chính																		
	Đơn vị sự nghiệp																		
3	2018																		
	Cơ quan hành chính																		
	Đơn vị sự nghiệp																		
4	2019																		
	Cơ quan hành chính																		
	Đơn vị sự nghiệp																		

....., ngày tháng năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3C

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO
QUYẾT ĐỊNH 2557/QĐ-UBND CỦA SỞ ...

STT	Đối tượng tinh giản	Chỉ tiêu giao đến năm 2019 (từ 2015-2019)	Số đã tinh giản đến thời điểm báo cáo	Số biên chế chưa thực hiện tinh giản theo lộ trình	Ghi chú (lý do tinh giản)
1	Công chức				
2	Sự nghiệp				
3	Hợp đồng 68				
	Tổng cộng				

....., ngày tháng năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

